

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
1	122321142	Hoàng Đại Phú	K14KDN1	0	0	0			0			V	V	Vắng	
2	132224736	Nguyễn Mến	K14KDN1	10	10	5			6.6			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
3	132326040	Nguyễn Đức Đức	K14KDN1	10	10	7.3			7.2			5.8	7.0	Bảy	
4	142251560	Bùi Thị Bích Thuận	K14KDN1	10	9	9.5			7.5			5.6	7.1	Bảy phẩy Một	
5	142311658	Nguyễn Quốc Hưng	K14KDN1	8	8	7			8			4.8	6.1	Sáu phẩy Một	
6	142311666	Mai Kim Hoàng	K14KDN1	10	10	8.1			7.7			7.6	8.1	Tám phẩy Một	
7	142321911	Nguyễn Đức Cương	K14KDN1	10	10	7.5			6.6			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
8	142321913	Trần Hồng Đạt	K14KDN1	9	10	9			7			V	V	Vắng	
9	142321931	Bùi Thị Công Hạnh	K14KDN1	9	8.5	8			8.5			7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
10	142321938	Nguyễn Thanh Hiền	K14KDN1	10	10	8			8.6			7.7	8.3	Tám phẩy Ba	
11	142321942	Trần Thị Thu Hiền	K14KDN1	10	9	8.5			6.4			6.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
12	142321949	Nguyễn Thị Mai Hồng	K14KDN1	10	10	7.3			8.1			6.7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
13	142321959	Phạm Minh Huy	K14KDN1	10	10	8.3			6.2			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
14	142321966	Hoàng Ngọc Khánh	K14KDN1	10	10	6.7			7			6.2	7.1	Bảy phẩy Một	
15	142321970	Đinh Khoa Thanh Lam	K14KDN1	10	10	5.5			6.4			6.6	7.1	Bảy phẩy Một	
16	142321975	Nguyễn Thị Hồng Liên	K14KDN1	10	10	8.7			7.7			V	V	Vắng	
17	142321976	Văn Thị Liên	K14KDN1	10	9.5	8			10			8.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
18	142321979	Hoàng Thị Linh	K14KDN1	10	10	5			7.9			5.7	6.8	Sáu phẩy Tám	
19	142321995	Phan Hoàng Thiên Lý	K14KDN1	10	10	8.5			4.5			6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
20	142322001	Trần Ly Na	K14KDN1	10	9	9			6.4			5.2	6.6	Sáu phẩy Sáu	
21	142322010	Phan Văn Nhân	K14KDN1	10	10	6.3			7.5			5.7	6.9	Sáu phẩy Chín	
22	142322016	Hồ Hoàng Trang Nhung	K14KDN1	10	10	8.3			8.5			6.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
23	142322020	Lại Thị Phúc	K14KDN1	10	10	8.3			8.3			6.8	7.8	Bảy phẩy Tám	
24	142322025	Phan Thị Song Phương	K14KDN1	9.5	8.5	7.5			8.4			7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
25	142322031	Lê Thị Bảo Quyên	K14KDN1	9.5	10	8			10			8.8	9.1	Chín phẩy Một	
26	142322037	Lê Thị Ngọc Thắm	K14KDN1	10	10	6			7.4			6.0	7.0	Bảy	
27	142322043	Nguyễn Thị Thảo	K14KDN1	10	9	8			8.1			7.9	8.3	Tám phẩy Ba	
28	142322047	Vương Thị Thanh Thảo	K14KDN1	10	9.5	7			8.5			8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
29	142322052	Trần Hồng Thơm	K14KDN1	10	10	7.5			9.3			8.5	8.8	Tám phẩy Tám	
30	142322057	Bùi Thị Diệu Thuần	K14KDN1	10	9	8.5			7			6.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
31	142322061	Trần Thị Lệ Thúy	K14KDN1	10	10	8.5			7			6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
32	142322065	Hồ Thị Thúy	K14KDN1	10	10	8.5			7.7			6.6	7.6	Bảy phẩy Sáu	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
33	142322070	Nguyễn Thị Minh	Thủy	K14KDN1	9	8.5	7			7.6			6.7	7.3	Bảy phẩy Ba
34	142322081	Phạm Thị Thu	Trang	K14KDN1	10	10	7.5			8.6			8.2	8.6	Tám phẩy Sáu
35	142322087	Phan Thị Tuyết	Trinh	K14KDN1	10	10	7.5			7.7			7.8	8.2	Tám phẩy Hai
36	142322097	Trương Thị Nhã	Uyên	K14KDN1	10	10	9			7.4			5.3	6.9	Sáu phẩy Chín
37	142322101	Trần Thị Thúy	Vân	K14KDN1	10	10	7.5			8.4			7.6	8.2	Tám phẩy Hai
38	142322106	Trần Thị Hoài	Vy	K14KDN1	10	10	8.6			7.4			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
39	142322110	Bùi Thị Hải	Yến	K14KDN1	10	10	7.6			7.2			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn
40	142323319	Phan Thị Thùy	Dung	K14KDN1	10	9	9			8.5			7.3	8.1	Tám phẩy Một
41	142522631	Phạm Thị Thanh	Bình	K14KDN1	10	10	9.5			8			6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy
42	142522905	Lê Thị Ngọc	Thu	K14KDN1	10	10	8.5			5.1			5.2	6.5	Sáu phẩy Năm
43	142522935	Đặng Thị Bích	Trâm	K14KDN1	10	10	8.1			8.3			7.2	8.0	Tám
44	142321894	Đậu Khánh	An	K14KDN2	10	10	8.5			7			5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
45	142321895	Hồ Thị Thuý	An	K14KDN2	10	10	8.5			8.7			6.4	7.7	Bảy phẩy Bảy
46	142321901	Dương Phương	Anh	K14KDN2	10	10	7.3			4			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai
47	142321906	Trần Thị	Ánh	K14KDN2	10	10	8.5			5.8			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn
48	142321909	Nguyễn Thị Kim	Chiên	K14KDN2	10	9	9			8			8.1	8.5	Tám phẩy Năm
49	142321916	Đặng Minh	Đức	K14KDN2	10	10	7.7			7.5			5.4	6.9	Sáu phẩy Chín
50	142321921	Nguyễn Thị Hoài	Giang	K14KDN2	10	10	8.3			7.9			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu
51	142321923	Nguyễn Thị Ánh	Hà	K14KDN2	10	10	7			9			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín
52	142321927	Đậu Thị	Hằng	K14KDN2	10	9	9.5			8			6.0	7.4	Bảy phẩy Bốn
53	142321934	Trương Trần Thanh	Hào	K14KDN2	10	9	9			7			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba
54	142321939	Nguyễn Thị Bảo	Hiền	K14KDN2	10	9	8			6.8			4.7	6.3	Sáu phẩy Ba
55	142321944	Võ Phi	Hùng	K14KDN2	10	9	4.5			6.2			5.0	6.0	Sáu
56	142321950	Nguyễn Thị Thu	Hồng	K14KDN2	10	10	9.5			8.5			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu
57	142321956	Lưu Thị Lan	Hương	K14KDN2	10	10	8.5			7.7			5.7	7.1	Bảy phẩy Một
58	142321967	Nguyễn Thị	Khánh	K14KDN2	10	10	9.5			8.5			8.2	8.7	Tám phẩy Bảy
59	142321972	Nguyễn Thị Thúy	Lan	K14KDN2	10	10	7.3			6.8			6.1	7.1	Bảy phẩy Một
60	142321983	Phan Trần Yến	Linh	K14KDN2	9	9	8			8			6.4	7.3	Bảy phẩy Ba
61	142321990	Bùi Thị Yến	Ly	K14KDN2	9	9	8			7			5.7	6.8	Sáu phẩy Tám
62	142321998	Nguyễn Thị	Na	K14KDN2	10	9	9			7			7.7	8.1	Tám phẩy Một
63	142322000	Nguyễn Thị Ty	Na	K14KDN2	10	7	7			7.7			6.8	7.3	Bảy phẩy Ba
64	142322002	Nguyễn Thị Thuý	Nga	K14KDN2	10	10	8			7			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
65	142322007	Nguyễn Thị Bích Nguyên	K14KDN2	8	8	8			8			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
66	142322017	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K14KDN2	10	10	9.5			9			9.2	9.4	Chín phẩy Bốn	
67	142322018	Hoàng Thị Kim Oanh	K14KDN2	10	10	9.5			8.5			7.6	8.4	Tám phẩy Bốn	
68	142322021	Nguyễn Hoàng Phương	K14KDN2	10	9	9			6.5			6.1	7.1	Bảy phẩy Một	
69	142322026	Trần Thị Mai Phương	K14KDN2	10	10	9.5			8.5			7.1	8.1	Tám phẩy Một	
70	142322039	Nguyễn Thị Hồng Thắng	K14KDN2	10	10	7			6			5.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
71	142322044	Nguyễn Thị Phương Thảo	K14KDN2	10	10	9.5			8.5			8.1	8.7	Tám phẩy Bảy	
72	142322048	Nguyễn Hữu Anh Thi	K14KDN2	0	0	0			0			V	V	Vắng	
73	142322054	Nguyễn Hoài Thu	K14KDN2	10	10	9.5			9.5			6.9	8.2	Tám phẩy Hai	
74	142322058	Võ Đức Thuận	K14KDN2	7	7	7			6			4.3	5.4	Năm phẩy Bốn	
75	142322062	Võ Thị Thuý	K14KDN2	8	9	8			9			5.9	7.1	Bảy phẩy Một	
76	142322066	Trần Thị Phương Thúy	K14KDN2	10	10	9.5			9			5.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
77	142322071	Trần Thị Thủy	K14KDN2	10	9	8			7			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
78	142322075	Nguyễn Thị Trâm	K14KDN2	10	9	7			7			5.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
79	142322084	Trần Thu Trang	K14KDN2	9	9	7			7			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
80	142322088	Trần Quốc Trung	K14KDN2	8	8	7			8			4.6	6.0	Sáu	
81	142322094	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	K14KDN2	10	9	9			8			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
82	142322098	Đinh Thị Cẩm Vân	K14KDN2	10	10	7			7			4.3	6.1	Sáu phẩy Một	
83	142322102	Từ Thị Hải Vân	K14KDN2	10	10	8			7			5.8	7.0	Bảy	
84	142322107	Phạm Thị Lê Xuân	K14KDN2	10	10	9			7.5			6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
85	142322114	Nguyễn Thị Yến	K14KDN2	10	10	7			7			5.9	7.0	Bảy	
86	142412542	Phạm Thị Nguyệt	K14KDN2	10	9	10			9			6.4	7.8	Bảy phẩy Tám	
87	142311615	Nguyễn Thị Kiều Diễm	K14KDN3	10	9	9			8			6.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
88	142321896	Lê Trường An	K14KDN3	10	9	9			8			7.3	8.0	Tám	
89	142321899	Đặng Thị Kim Anh	K14KDN3	10	10	8			7			5.7	7.0	Bảy	
90	142321902	Lê Thị Kim Anh	K14KDN3	10	10	8			8			7.3	8.0	Tám	
91	142321907	Trần Thanh Biên	K14KDN3	9	9	7			6			5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
92	142321912	Đặng Văn Đạt	K14KDN3	7	7	6			5			3.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
93	142321917	Nguyễn Minh Đức	K14KDN3	9	9	7			6			5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
94	142321926	Võ Thị Ngọc Hân	K14KDN3	10	10	8			8			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
95	142321928	Nguyễn Nguyên Hằng	K14KDN3	9	9	8			7			5.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
96	142321935	Dương Bích Hiền	K14KDN3	10	9	9			8			7.7	8.2	Tám phẩy Hai	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
97	142321940	Nguyễn Thị Minh	Hiền	K14KDN3	10	9	9			6			7.7	7.9	Bảy phẩy Chín
98	142321946	Hà Thị Hồng	Hoa	K14KDN3	10	9	9			8			7.3	8.0	Tám
99	142321948	Nguyễn Khánh	Hoàng	K14KDN3	9	8	7			5.7			6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
100	142321951	Nguyễn Thị Kim	Huê	K14KDN3	9	9	8			6			5.8	6.7	Sáu phẩy Bảy
101	142321957	Nguyễn Thị	Hương	K14KDN3	9	9	8			6			5.2	6.4	Sáu phẩy Bốn
102	142321962	Mai Thị Lệ	Huyền	K14KDN3	10	9	7			6			5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu
103	142321968	Phạm Công	Khiêm	K14KDN3	9	9	8			7			5.9	6.9	Sáu phẩy Chín
104	142321973	Nguyễn Thị	Lành	K14KDN3	10	10	8			7			5.9	7.1	Bảy phẩy Một
105	142321977	Nguyễn Thị	Liễu	K14KDN3	10	9	8			6			5.2	6.5	Sáu phẩy Năm
106	142321984	Lê Thị Tố	Loan	K14KDN3	10	9	7			8			5.4	6.8	Sáu phẩy Tám
107	142321991	Mai Thị Bích	Ly	K14KDN3	9	9	7			5			5.0	6.0	Sáu
108	142322003	Phan Thị	Nga	K14KDN3	10	10	8			8			6.7	7.7	Bảy phẩy Bảy
109	142322006	Dương Thị	Nguyên	K14KDN3	10	10	8.5			7.5			7.2	7.9	Bảy phẩy Chín
110	142322008	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	K14KDN3	10	10	9			8.5			8.8	9.0	Chín
111	142322013	Nguyễn Thị	Nhi	K14KDN3	10	10	9			7.5			8.6	8.8	Tám phẩy Tám
112	142322022	Nguyễn Thị	Phương	K14KDN3	9	10	8			8			6.2	7.3	Bảy phẩy Ba
113	142322027	Trương Hoài	Phương	K14KDN3	10	9	9			8			8.1	8.5	Tám phẩy Năm
114	142322029	Lê Hoàng Anh	Quân	K14KDN3	9	7	8			6.2			7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn
115	142322033	Trần Lâm	Sinh	K14KDN3	8	8	7			7			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai
116	142322040	Đặng Thị Phương	Thanh	K14KDN3	10	9	8			8			6.3	7.4	Bảy phẩy Bốn
117	142322045	Trần Thị Mai	Thảo	K14KDN3	10	10	7			9			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín
118	142322050	Hồ Thị	Thơm	K14KDN3	9	9	7			7			6.6	7.2	Bảy phẩy Hai
119	142322055	Nguyễn Thị Lệ	Thu	K14KDN3	9	9	7			7			5.2	6.4	Sáu phẩy Bốn
120	142322059	Nguyễn Thị	Thương	K14KDN3	9	9	7			7			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu
121	142322063	Ngô Thị Bích	Thủy	K14KDN3	10	10	8			7.7			7.8	8.2	Tám phẩy Hai
122	142322067	Phạm Thị Minh	Thùy	K14KDN3	10	10	7			7.7			8.0	8.3	Tám phẩy Ba
123	142322072	Từ Thị Ngọc	Tiên	K14KDN3	10	10	9			8			7.0	8.0	Tám
124	142322076	Nguyễn Thị	Giang	K14KDN3	10	9	9			7.5			7.3	7.9	Bảy phẩy Chín
125	142322085	Võ Nữ Quỳnh	Trang	K14KDN3	10	9	9			7.5			8.0	8.3	Tám phẩy Ba
126	142322089	Lê Thị Thanh	Tú	K14KDN3	9	9	9			6.7			8.2	8.2	Tám phẩy Hai
127	142322092	Dương Thị	Tuyền	K14KDN3	9	9	7			7			5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy
128	142322095	Nguyễn Thị	Tuyết	K14KDN3	10	9	7			6.2			6.5	7.1	Bảy phẩy Một

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
129	142322099	Nguyễn Thị Vân	K14KDN3	9	9	7			3.7			6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
130	142322103	Võ Thị Cẩm Vân	K14KDN3	10	9	9			8			7.2	8.0	Tám	
131	142322108	Nguyễn Tấn Ý	K14KDN3	8	10	8			7.2			7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
132	142322115	Phan Thị Yến	K14KDN3	9	10	7			6.7			6.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
133	142321898	Trần Thị Minh Ân	K14KDN4	10	9	9			5.2			5.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
134	142321904	Nguyễn Trương Tú Anh	K14KDN4	10	9	7			7.2			7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
135	142321908	Lê Thị Bông	K14KDN4	10	9	7			6.2			6.9	7.3	Bảy phẩy Ba	
136	142321914	Lê Thị Ái Diệu	K14KDN4	10	10	9			9			6.7	7.9	Bảy phẩy Chín	
137	142321918	Nguyễn Thùy Dung	K14KDN4	9	10	8			7.2			7.2	7.7	Bảy phẩy Bảy	
138	142321919	Trần Khương Duy	K14KDN4	9	9	8			6.2			5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
139	142321925	Nguyễn Thị Thu Hà	K14KDN4	10	10	9			7.7			7.2	8.0	Tám	
140	142321930	Phan Thị Xuân Hằng	K14KDN4	10	10	9			7.7			6.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
141	142321936	Hoàng Thị Thu Hiền	K14KDN4	10	8	8			6.7			7.6	7.8	Bảy phẩy Tám	
142	142321941	Trần Thị Châu Hiền	K14KDN4	10	9	8			9.7			7.1	8.1	Tám phẩy Một	
143	142321952	Đào Thị Huế	K14KDN4	10	10	9			8.5			8.4	8.8	Tám phẩy Tám	
144	142321958	Từ Thị Mai Hương	K14KDN4	10	8	8			9.2			8.2	8.5	Tám phẩy Năm	
145	142321965	Trần Thị Thu Huyền	K14KDN4	10	10	9			8.5			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
146	142321969	Lê Thị Oanh Kiều	K14KDN4	10	9	9			7.5			7.6	8.1	Tám phẩy Một	
147	142321974	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	K14KDN4	10	10	8			8.7			6.8	7.8	Bảy phẩy Tám	
148	142321978	Nguyễn Thị Liễu	K14KDN4	10	10	9			6.5			7.9	8.2	Tám phẩy Hai	
149	142321985	Nguyễn Thanh Loan	K14KDN4	10	9	9			8			6.9	7.8	Bảy phẩy Tám	
150	142321994	Nguyễn Thành Lý	K14KDN4	10	9	9			7.7			7.3	8.0	Tám	
151	142322004	Nguyễn Châu Ngân	K14KDN4	10	9	8			5.2			7.4	7.6	Bảy phẩy Sáu	
152	142322009	Nguyễn Thị Thanh Nhân	K14KDN4	10	10	9			8.7			7.9	8.6	Tám phẩy Sáu	
153	142322014	Nguyễn Thị Uyển Nhi	K14KDN4	10	9	7			6.2			5.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
154	142322019	Nguyễn Thị Oanh	K14KDN4	10	9	7			9.7			7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
155	142322023	Nguyễn Thị Ngọc Phương	K14KDN4	10	10	9			8			6.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
156	142322035	Lê Thị Tân	K14KDN4	10	8	7			7.2			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
157	142322042	Vũ Thị Thanh	K14KDN4	10	9	9			6.2			6.2	7.1	Bảy phẩy Một	
158	142322046	Võ Thị Thảo	K14KDN4	10	10	7			5.2			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
159	142322051	Nguyễn Thị Thơm	K14KDN4	10	10	9			8			8.5	8.8	Tám phẩy Tám	
160	142322056	Lâm Thị Anh Thư	K14KDN4	10	10	9			7.7			8.2	8.6	Tám phẩy Sáu	

Thời gian : -

HỌC KỲ : 3
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				10	10	10			15			55	SỐ	CHỮ	
161	142322060	Nguyễn Trinh Hoài Thương	K14KDN4	10	9	7			5.7			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
162	142322064	Đoàn Thị Thúy	K14KDN4	9	8	8			5.7			6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
163	142322068	Hoàng Thị Thu Thủy	K14KDN4	10	10	9			7.5			7.9	8.4	Tám phẩy Bốn	
164	142322073	Lê Thị Trà	K14KDN4	10	9	9			9			5.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
165	142322074	Ngô Thị Trâm	K14KDN4	10	10	8			9.4			7.7	8.4	Tám phẩy Bốn	
166	142322080	Nhữ Thị Mai Trang	K14KDN4	10	9	8			7.7			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
167	142322086	Đỗ Thị Mộng Trinh	K14KDN4	9	9	8			5.7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
168	142322090	Hồ Anh Tuấn	K14KDN4	8	8	9			6.5			V	V	Vắng	
169	142322096	Nguyễn Thị Hạ Uyên	K14KDN4	10	9	9			9			8.9	9.0	Chín	
170	142322100	Nguyễn Thị Tường Vân	K14KDN4	10	9	9			6.5			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
171	142322104	Phạm Thị Viên	K14KDN4	10	9	9			6.7			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
172	142322109	Thái Thị Hạnh Yên	K14KDN4	9	9	9			7			6.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
173	142322116	Vũ Thị Yến	K14KDN4	10	8	7			6.2			5.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
174	142332139	Lê Thị Mỹ Dung	K14KDN4	9	9	7			5.7			6.6	7.0	Bảy	
175	142332277	Hoàng Thị Tường Vy	K14KDN4	10	9	9			8			7.2	8.0	Tám	
176	142424734	Nguyễn Thị Hiền	K14KDN4	10	9	7			8.2			7.5	8.0	Tám	